TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 11 - 2019
V/v ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hải Âu

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 497/2019/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 505/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Mỹ D, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp TH, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp TH, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Mỹ D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh C kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TAKN. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hòa hợp. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Nguyễn Lê H, sinh ngày 06/8/2009 hiện cháu đang sống chung với gia đình anh C. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh C nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Tại phiên tòa: Chị D giữ nguyên quan điểm, không có yêu cầu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Mỹ D khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung với anh Nguyễn Minh C là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh C, nhưng anh C vắng mặt tại phiên tòa không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2007, chị D với anh C kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình tại Uỷ ban nhân dân xã TAKN. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh C được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị D xác định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mặt khác, chị D xác định trong thời gian ly thân, vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Hiện nay chị không còn tình cảm đối với anh C, do đó chị không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh C.

[5] Theo xác nhận ngày 18/11/2019 của Hội liên hiệp phụ nữ xã TAKN và chính quyền ấp TH thể hiện: Trong cuộc sống vợ chồng thì chị D và anh C không có mâu thuẫn gì trầm trọng, anh C không có hành vi bạo lực gia đình. Xét thấy: Mặc dù Hội liên hiệp phụ nữ xã và chính quyền ấp xác nhận như thế, nhưng kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án thì anh C không có ý kiến đối với nguyên nhân mâu thuẫn do chị D trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định anh C không còn tình cảm với chị D, không thật sự còn quan tâm hay tha thiết gì đến mối quan hệ hôn nhân, không có thiện chí phối hợp với Tòa án.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh C đã có những mâu thuẫn xãy ra mà vợ chồng không thể

hàn gắn được. Do đó, mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D về quan hệ hôn nhân.

[7] Xét về con chung: Khi ly hôn, chị D đồng ý giao cháu H cho anh C tiếp tục nuôi, cấp dưỡng không đặt ra, còn anh C thì không có ý kiến. Xét thấy: Đây là sự tự nguyện của chị D, đồng thời hiện cháu H đang sống ổn định với gia đình anh C, có điều kiện phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và cũng được đi học như bao trẻ em khác đồng trang lứa. Như vậy, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường và điều kiện học của cháu H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D về con chung.

[8] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh C thì không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[9] Xét về án phí dân sự: Chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Mỹ D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê H, sinh ngày 06/8/2009 cho anh Nguyễn Minh C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Mỹ D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Lê Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009948 ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Lê Mỹ D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Uỷ ban nhân dân xã Tạ An Khương Nam;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh